

Số: 08

Ngày 02/3/2026

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 08 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế.*
- *Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.*
- *Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi).*
- *Giải đáp pháp luật: Quy định mới về đảng phí.*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Ngày 26/11/2025, Quốc hội thông qua [Luật Tương trợ tư pháp về hình sự](#). Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước Việt Nam trong tương trợ tư pháp về hình sự.

Theo Luật, phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự bao gồm: Tổng đạt, giao, gửi văn bản tố tụng; khám xét, thu giữ; tịch thu, trả lại, xử lý vật chứng, tài sản; tổ chức cho người ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ; tổ chức cho người có thẩm quyền ở nước yêu cầu sang nước được yêu cầu để có mặt trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự; chuyển giao tạm thời người đang bị tạm giam hoặc đang chấp hành án phạt tù ở nước được yêu cầu sang nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ; lấy lời khai trực tiếp, trực tuyến và các hình thức thu thập, cung cấp chứng cứ khác; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin và các hình thức tương trợ khác.

Luật xác định Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong tương trợ tư pháp về hình sự. Cơ quan này làm đầu mối trao đổi thông tin, tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện tương trợ tư pháp

về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự; đề xuất việc ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Đáng chú ý, Luật quy định vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài nhưng không dẫn độ được thì cơ quan đang thụ lý vụ án chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt hoặc nước người phạm tội mang quốc tịch tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, Luật bổ sung quy định xem xét yêu cầu liên quan đến hình phạt tử hình. Theo đó, trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành án tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để đưa ra thông báo. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành án tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP

[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp](#) được Quốc hội thông qua ngày 05/12/2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Luật quy định công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam từ đủ 16 tuổi trở lên có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình. Cơ quan tiền hành tố tụng cũng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

Thông tin lý lịch tư pháp, Phiếu lý lịch tư pháp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

Khi có yêu cầu sử dụng thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức được khai thác, sử dụng thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; không yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Phiếu lý lịch tư pháp được cấp cho cá nhân gồm Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Phiếu lý lịch tư pháp được cấp dưới dạng bản điện tử hoặc bản giấy và có giá trị pháp lý như nhau. Đối với Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử, thông tin lý lịch tư pháp được đồng thời hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia và có giá trị như Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia được cập nhật để cá nhân sử dụng khi có nhu cầu mà không cần yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện bằng hình thức trực tuyến, phi địa giới hành chính. Người nước ngoài, người chưa có định danh điện tử có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính. Cá nhân có thể ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với cả hai loại phiếu.

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế [số 137/2025/QH15](#) được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025, bổ sung nhiều quy định liên quan đến thẩm quyền và quy trình đề xuất đàm phán, ký kết điều ước quốc tế.

Các cơ quan như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ được xác định rõ trách

nhiệm đề xuất đàm phán điều ước quốc tế.

Trình tự lấy ý kiến được quy định cụ thể, trong đó đa số các trường hợp phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày hoặc 5 ngày làm việc đối với thủ tục rút gọn.

Luật bổ sung, hoàn thiện quy định về hồ sơ trình đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt và gia nhập điều ước quốc tế. Đặc biệt, Luật quy định rõ thành phần hồ sơ đề nghị kiểm tra, thẩm định; trách nhiệm của Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra, thẩm định; yêu cầu gửi hồ sơ cả bản điện tử và bản giấy; cũng như thời hạn xử lý hồ sơ (10 ngày hoặc 20 ngày trong trường hợp thành lập hội đồng).

Luật bổ sung cơ chế “đồng thời đề xuất” trong một số trường hợp, cho phép kết hợp đề xuất đàm phán và ký; hoặc ký và phê chuẩn/phê duyệt nếu điều ước đã đủ rõ, đủ chi tiết để thực hiện. Ngoài ra, Luật bổ sung quy định về ủy quyền trong trường hợp đặc biệt để xử lý yêu cầu cấp bách về đối ngoại.

Về sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, Luật quy định rõ nội dung văn bản quyết định, hồ sơ trình, trình tự thủ tục và phân định thẩm quyền của từng cơ quan. Đồng thời, thiết lập thủ tục rút gọn trong trường hợp nội dung sửa đổi chỉ mang tính kỹ thuật hoặc không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ cơ bản của Việt Nam.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

LUẬT HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM

Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số [130/2025/QH15](#) được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025, quy định về hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm các quy định về tàu bay, cảng hàng không, nhân viên hàng không, hoạt động bay, vận tải hàng không thương mại, hàng không chuyên dùng, hàng không chung, an toàn hàng không, an ninh hàng không, trách nhiệm dân sự và các hoạt động khác có liên quan đến hàng không dân dụng.

Luật đưa ra các chính sách phát triển hàng không dân dụng, trong đó có việc bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động hàng không dân dụng; huy động tối đa các nguồn lực, đa dạng các hình thức, phương thức đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì trong hàng không dân dụng để phát triển cảng hàng không hiện đại, kết nối đồng bộ với các phương thức vận tải khác, phát huy hiệu quả đầu tư.

Đối với tàu bay, Luật quy định về đăng ký, quản lý và xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; giấy chứng nhận loại, giấy chứng nhận đủ điều kiện bay; quyền sở hữu, thế chấp, thuê, mua tàu bay và đăng ký các quyền liên quan. Các quy định cũng đề cập đến việc nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, cơ chế xử lý trong trường hợp bắt giữ tàu bay, đình chỉ chuyển bay, yêu cầu hạ cánh và trách nhiệm

bồi thường thiệt hại khi cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trái pháp luật.

Về cảng hàng không, Luật phân loại như sau: quốc tế, nội địa và chuyên dùng; quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác cảng hàng không. Việc đầu tư có thể thực hiện bằng nguồn vốn nhà nước hoặc ngoài nhà nước theo phương thức đối tác công tư hoặc đầu tư kinh doanh. Doanh nghiệp cảng hàng không có quyền tổ chức khai thác, cung cấp và nhượng quyền dịch vụ nhưng phải bảo đảm duy trì điều kiện an toàn,

chất lượng dịch vụ và tuân thủ sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động hàng không dân dụng như xâm phạm an toàn bay, an ninh hàng không, làm hư hỏng tàu bay, đưa vật phẩm nguy hiểm trái phép, tiết lộ thông tin hành khách, ghi chép giả mạo hồ sơ kỹ thuật hoặc sử dụng chất kích thích khi thực hiện nhiệm vụ.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ NIÊM PHONG TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TẠM GIỮ

Ngày 29/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định [số 47/2026/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

Một trong những nội dung quan trọng của Nghị định là bổ sung quy định về niêm phong, mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ. Theo đó, người lập biên bản tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện căn cứ quy định tại khoản 5a Điều 125 Luật Xử lý vi

phạm hành chính để quyết định trường hợp niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Tang vật, phương tiện bị tạm giữ được niêm phong bằng việc dán tem, giấy niêm phong đề lên những phần, bộ phận có thể mở để lấy, đối tang vật, phương tiện hoặc dán đề lên những phần, bộ phận để bảo đảm tính nguyên trạng của tang vật, phương tiện. Trường hợp tang vật, phương tiện có khối lượng, kích thước lớn hoặc không thể di chuyển được thì dán tem, giấy niêm phong đề lên những phần, bộ phận có xác định nguồn gốc, đặc điểm, bộ phận chính của tang vật, phương tiện và những vị trí cần thiết khác để bảo đảm tính nguyên trạng. Đối với tang vật, phương tiện có thể sử dụng khóa, kẹp dây chì, dây thép và các hình thức khác để bao bọc thì sau khi bao bọc thực hiện việc dán tem,

giấy niêm phong. Đối với tang vật, phương tiện không thể niêm phong được tại hiện trường thì khi đưa về nơi tạm giữ tang vật, phương tiện phải tiến hành niêm phong.

Tem, giấy niêm phong không được rách, mờ, bảo đảm tính nguyên vẹn; phải bảo đảm không bị làm giả; giấy niêm phong phải có các thông tin cơ bản về tên cơ quan, tổ chức chủ trì, thời gian tổ chức niêm phong, họ tên, chữ ký hoặc điểm chỉ của những người tham gia thực hiện niêm phong và đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện niêm phong hoặc dấu của chính quyền xã, phường, đặc khu nơi tổ chức niêm phong.

Nghị định cũng quy định cụ thể về trình tự, thủ tục niêm phong, mở niêm phong tang vật, phương tiện bị tạm giữ. Việc niêm phong và mở niêm phong đều phải lập thành biên bản.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2026.

SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN AN NINH TRẬT TỰ ĐỐI VỚI NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

[Nghị định 58/2026/NĐ-CP](#) ngày 13/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý, sử dụng pháo; đồng thời điều chỉnh một số nội dung liên quan đến thi hành Luật Cư trú và Luật Căn cước.

Đối với lĩnh vực ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an

ninh, trật tự (sửa đổi Nghị định [96/2016/NĐ-CP](#)), Nghị định đã mở rộng và làm rõ khái niệm một số ngành nghề như kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ; kinh doanh quân trang, quân dụng, thiết bị chuyên dùng cho quân sự, công an. Đồng thời, bổ sung khái niệm cơ sở kinh doanh có yếu tố nước ngoài, cơ sở hoạt động liên tỉnh... Nghị định cũng quy định cụ thể về đào tạo và cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, cho phép kết hợp đào tạo trực tiếp và trên nền tảng công nghệ thông tin.

Nghị định quy định về cải cách thủ tục hành chính theo hướng số hóa. Cụ thể, mở rộng hình thức nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc ứng dụng định danh quốc gia (VNeID); quy định rõ khái niệm “tài liệu hợp lệ” bao gồm bản điện tử có ký số, chứng thực điện tử hoặc dữ liệu được khai thác từ cơ sở dữ liệu quốc gia. Thời hạn giải quyết hồ sơ được rút ngắn (03 - 04 ngày làm việc). Nếu không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn ngắn.

Về thẩm quyền quản lý, Nghị định phân định trách nhiệm giữa Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an), Phòng Cảnh sát quản lý hành chính cấp tỉnh và Công an cấp xã trong việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với từng nhóm ngành, nghề (như casino, kinh doanh vũ khí, vật liệu nổ, dịch vụ lưu trú, karaoke, cầm đồ...). Đồng thời, bổ sung quy định về kiểm tra

đốt xuất và trách nhiệm bảo đảm phòng cháy, chữa cháy.

Đối với lĩnh vực quản lý và sử dụng con dấu (sửa đổi Nghị định 99/2016/NĐ-CP), Nghị định làm rõ phạm vi điều chỉnh, bổ sung đối tượng áp dụng và cập nhật hệ thống cơ quan được đăng ký mẫu con dấu. Hồ sơ, thủ tục đăng ký, đăng ký lại, đăng ký thêm, cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu được chuẩn hóa, thống nhất theo mẫu mới; tăng cường tiếp nhận hồ sơ điện tử; cho phép khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia để giảm giấy tờ phải nộp. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm thông báo khi mất con dấu và nghĩa vụ nộp lại con dấu khi tổ chức chấm dứt hoạt động.

Đối với quản lý và sử dụng pháo (sửa đổi [Nghị định 137/2020/NĐ-CP](#)), Nghị định tiếp tục khẳng định nguyên tắc nghiêm cấm nghiên cứu, sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép pháo nổ; chỉ cho phép các tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động liên quan đến pháo hoa nổ. Nghị định quy định chi tiết hơn về điều kiện sản xuất, vận chuyển, tiêu hủy pháo; thủ tục cấp phép vận chuyển. Thẩm quyền quyết định tổ chức bắn pháo hoa nổ thuộc Chủ tịch UBND cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2026.

ĐỀ ÁN PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỪ NĂM 2026 - 2035

Ngày 03/2/2026, Phó Thủ tướng Mai Văn Chính đã phê duyệt Đề án "Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035" tại [Quyết định số 233/QĐ-TTg](#).

Đề án được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035 tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự xã hội. Trong đó, ưu tiên thôn, xã đặc biệt khó khăn; địa bàn còn hủ tục, tập quán lạc hậu, nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế.

Theo Đề án, từ năm 2026 đến năm 2030, phấn đấu đào tạo, bồi dưỡng khoảng 650 người trở thành đội ngũ hạt nhân nòng cốt triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) tại các địa phương. Phấn đấu 100% địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoàn thành xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL đặc thù phù hợp với đối tượng và đặc điểm vùng miền. Khuyến khích các địa phương còn lại xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu của địa phương mình. Phấn đấu số hóa 70% chương trình, tài liệu PBGDPL của Đề án và công bố công khai trên Cổng thông tin, mạng internet hoặc được xuất bản, phát hành bằng hình thức phù hợp. Phấn đấu mỗi xã đặc biệt khó khăn

có ít nhất 2 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án. Khoảng 50% người dân sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 60% người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; 70% người dân thuộc nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được PBGDPL. Trong đó, ít nhất 30% hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, 50% hoạt động PBGDPL được thực hiện thông qua môi trường số.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đưa ra 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, gồm: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và trách nhiệm của người đứng đầu địa phương trong công tác PBGDPL; xây dựng, phát triển và nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác PBGDPL; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức PBGDPL; nâng cao năng lực, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án.

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

Ngày 12/02/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký [Quyết định 282/QĐ-TTg](#) ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Một số mục tiêu đáng chú ý trong giai đoạn 2026-2027 như: Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự

nh nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước; 100% nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch; 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia...

Giai đoạn 2028-2030, phân đầu tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%; mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; tất cả bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; xếp hạng về phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số của Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á và nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới, theo đánh giá của Liên Hiệp Quốc...

Các nhiệm vụ trọng tâm được nêu trong Kế hoạch gồm cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Về cải cách thủ tục hành chính, giai đoạn 2026-2030 sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các

thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý. Kế hoạch cũng nhấn mạnh mục tiêu rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các bộ, UBND cấp tỉnh, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xóa cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

Đối với nhiệm vụ cải cách chế độ công vụ, sẽ rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025. Trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài Việt Nam; có cơ chế theo dõi, đánh giá, sàng lọc thường xuyên, công khai, minh bạch. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Đặc biệt, Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÔN ĐỐC CÁC BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SAU KỲ NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ

Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 23/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Bình Ngọ năm 2026 đánh giá toàn diện tình hình trước, trong và sau Tết, đồng thời đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Thủ tướng Chính phủ ghi nhận các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức tốt công tác chăm lo Tết cho Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định thị trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, duy trì sản xuất kinh doanh và triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số vấn đề như tai nạn giao thông đường thủy nghiêm trọng, ùn tắc cục bộ, vi phạm nồng độ cồn, tình trạng mua bán, sử dụng pháo trái phép và một số nguy cơ mất an ninh trật tự.

Sau kỳ nghỉ Tết, Thủ tướng yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương bắt tay ngay vào công việc với tinh thần quyết liệt, chủ động, sáng tạo; thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2026 từ 10% trở lên gắn với ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Chỉ thị nhấn mạnh phương châm điều hành “1 mục tiêu, 2 bảo đảm, 3 có, 4 không, 5 hóa, 6 rõ”, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tiết kiệm, chống lãng phí.

Về kinh tế, Thủ tướng yêu cầu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, hoàn thành phân bổ vốn đầu năm, tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm; điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt, phối hợp chặt chẽ; kiểm soát giá cả, thị trường sau Tết; thúc đẩy xuất khẩu, phát triển công nghiệp hỗ trợ; bảo đảm cung ứng điện, tín dụng và ổn định thị trường vàng. Đồng thời, tăng cường chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính.

Về lĩnh vực xã hội, Chỉ thị yêu cầu thực hiện đầy đủ chính sách an sinh xã hội, chăm lo người có công, người yếu thế; bảo đảm chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch, an toàn thực phẩm; duy trì kế hoạch năm học; quản lý lễ hội, tín ngưỡng văn minh, tiết kiệm.

Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng, toàn diện về Đại hội XIV của Đảng và việc quán triệt, triển khai các nghị quyết của Đảng ngay từ đầu năm 2026; công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Cùng với đó, tăng cường truyền thông chính sách, phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ, khí thải lao động, sản xuất đầu xuân, các hoạt động trồng cây, phát triển rừng... Tăng cường thông tin đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo [Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT](#) ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực từ ngày ký.

Quy chế này quy định nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc, yêu cầu; đăng ký xét tuyển, xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu

kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học và tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên.

Công tác tuyển sinh phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch và bình đẳng. Các cơ sở đào tạo được tự chủ trong tuyển sinh nhưng phải công khai thông tin, chịu trách nhiệm giải trình và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của thí sinh.

Mỗi cơ sở đào tạo được sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh, không bao gồm xét tuyển thẳng, xét

tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học. Việc xét tuyển có thể dựa vào kết quả học tập THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi độc lập hoặc kết hợp nhiều tiêu chí; trong đó tổ hợp xét tuyển phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm tối thiểu 1/3.

Chính sách ưu tiên gồm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng chính sách, với mức điểm cộng cụ thể theo thang điểm 30. Quy chế cũng quy định các trường hợp được xét tuyển thẳng như thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế; vận động viên

thành tích cao; người thuộc diện chính sách đặc thù.

Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào được quy định chặt chẽ, đặc biệt đối với các ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực sức khỏe có cấp phép hành nghề và lĩnh vực pháp luật. Một số ngành năng khiếu và ngành đặc thù có quy định riêng về học lực và điểm thi.

Thí sinh đăng ký tối đa 15 nguyện vọng trên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chỉ được công nhận trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất đủ điều kiện.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT THỦ ĐÔ

Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) quy định thể chế hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, ổn định, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với vị trí, vai trò, tính chất riêng có của Thủ đô.

Dự thảo khẳng định Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn về kinh tế; dẫn đầu cả nước, vươn tầm khu vực và quốc tế về văn hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, y tế và giao dịch quốc tế.

Một trong những nội dung trọng tâm của dự thảo là đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho chính quyền Thành phố theo hướng tối đa, toàn diện, gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Dự thảo Luật cho phép Hội đồng nhân

dân Thành phố được thí điểm cơ chế, chính sách khác với quy định của pháp luật hiện hành hoặc chưa được pháp luật quy định, bảo đảm nguyên tắc hợp hiến, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Dự thảo nhấn mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với cơ chế tài chính linh hoạt để bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả, minh bạch, dựa trên kết quả đầu ra; có cơ chế chấp nhận rủi ro và miễn trừ trách nhiệm đối với rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố; xác định nhân tài là yếu tố then chốt, được ưu tiên thu hút và trọng dụng bằng các chính sách vượt trội.

Trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường thủ đô, dự thảo quy định cơ chế quản lý

không gian ngầm, không gian tầm thấp; phát triển đô thị theo mô hình định hướng giao thông công cộng (TOD); xây dựng Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước; xây dựng văn hóa người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hóa, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tình trạng khẩn cấp gồm 5 chương và 33 điều, quy định về chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong tình trạng khẩn cấp; lực lượng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp; trách nhiệm quản lý nhà nước về tình trạng khẩn cấp.

Theo dự thảo Nghị định, người được điều động, huy động làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp sẽ được bảo đảm đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ như: trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, vật tư, công cụ hỗ trợ, phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của nhiệm vụ; điều kiện làm việc an toàn, bảo đảm vệ sinh lao động, phòng, chống rủi ro tai nạn, dịch bệnh; điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, thông tin liên lạc và

đi lại trong suốt thời gian thực hiện nhiệm vụ... Họ cũng được bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được khám sức khỏe trước, trong và sau khi hoàn thành nhiệm vụ khi cần thiết; được cấp phát thuốc, vật tư y tế và được chăm sóc y tế kịp thời khi bị ốm đau, tai nạn, thương tích.

Cùng với đó, người được điều động, huy động làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp được hưởng lương, tiền công, phụ cấp và hỗ trợ. Cụ thể, đối với người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì được hưởng nguyên lương theo ngạch, bậc, quân hàm, chức vụ và các khoản khác theo quy định của pháp luật; đồng thời được hưởng phụ cấp đặc thù làm việc tính theo ngày thực tế làm nhiệm vụ. Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả tiền công, tiền lương theo ngày thực tế tham gia nhiệm vụ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, còn được hưởng khoản hỗ trợ làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp tính theo ngày với các mức khác nhau tùy theo nhiệm vụ thực hiện.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Mức đóng đảng phí đối với đảng viên thuộc đối tượng tham

gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là bao nhiêu?

Trả lời: Ngày 03/02/2026, Bộ Chính trị ban hành [Quy định số 01-QĐ/TW](#) về chế độ đảng phí. Từ ngày 01/02/2026, Quy định này thay thế Quy định về chế độ đảng phí ban hành kèm theo [Quyết định số 342-QĐ/TW](#) ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị.

Theo [khoản 1, Điều 3](#) Quy định 01-QĐ/TW, đảng viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương làm căn cứ tính đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng trước liền kề. Trong thời gian đảng viên nghỉ việc do ốm đau, thai sản, không phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và hưởng chế độ do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả thì mức đóng đảng phí bằng 1% mức trợ cấp ốm đau, trợ cấp thai sản của đảng viên do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả. Trong thời gian đảng viên nghỉ việc, không phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vì các nguyên nhân khác thì mức đóng đảng phí như quy định áp dụng đối với đảng viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Hỏi: *Đảng viên ở nước ngoài đóng đảng phí theo mức bao nhiêu?*

Trả lời: [Khoản 1 và 2, Điều 4](#), Quy định 01-QĐ/TW quy định:

- Đảng viên làm việc tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, phu nhân/phu quân được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, đảng viên là lưu học sinh, người đang học tập ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc theo diện hiệp định được nước ngoài

tài trợ đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% mức sinh hoạt phí hằng tháng.

- Đảng viên khác ở nước ngoài đóng đảng phí tương đương từ 30.000 đồng đến 400.000 đồng/tháng.

3. Hỏi: *Trường hợp nào được miễn đóng đảng phí?*

Trả lời: Miễn đóng đảng phí đối với đảng viên trong các trường hợp quy định tại [khoản 1, Điều 5](#), Quy định 01-QĐ/TW. Cụ thể, đảng viên từ đủ 50 năm tuổi đảng trở lên; đảng viên được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ; đảng viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ; người mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo do Bộ Y tế quy định), có đơn gửi chi bộ đề nghị cho miễn đóng đảng phí.

4. Hỏi: *Số dư đảng phí trong trường hợp sắp xếp lại tổ chức đảng được xử lý như thế nào?*

Trả lời: [Khoản 3, Điều 7](#), Quy định 01-QĐ/TW quy định:

- Trường hợp tổ chức đảng giải tán, giải thể, số đảng phí chưa sử dụng hết được nộp về tổ chức đảng cấp trên trực tiếp.

- Trường hợp tổ chức đảng sáp nhập, hợp nhất với tổ chức đảng khác, số đảng phí chưa sử dụng hết được chuyển về tổ chức đảng hình thành sau khi sáp nhập, hợp nhất.

- Trường hợp tổ chức đảng chia tách hoặc các trường hợp khác, tổ chức đảng báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp (từ cấp cơ sở trở lên) xem

xét, quyết định xử lý số đảng phí chưa sử dụng hết cho phù hợp với tình hình thực tiễn./.